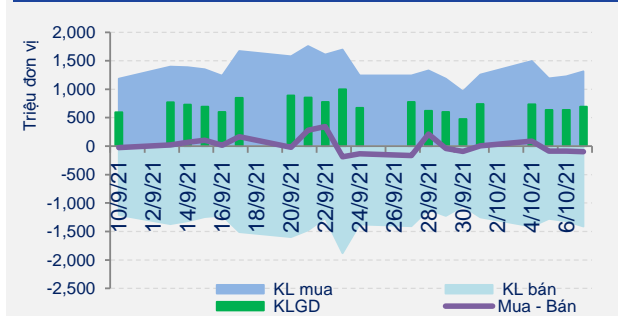
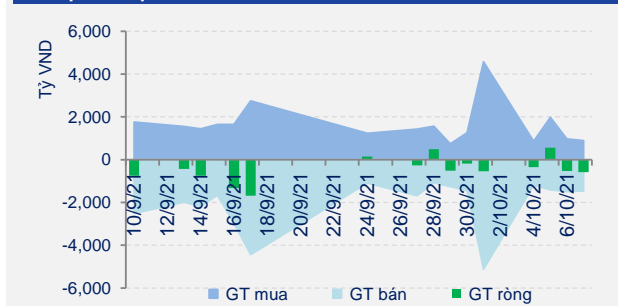


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,365.99	370.40
% Thay đổi	↑ 0.23%	↑ 0.52%
KLGD (CP)	693,029,125	108,082,782
GTGD (tỷ đồng)	19,926.17	2,186.49
Tổng cung (CP)	1,413,563,700	166,773,700
Tổng cầu (CP)	1,313,969,900	149,929,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,445,360	483,688
KL mua (CP)	22,599,260	530,848
GT mua (tỷ đồng)	883.67	9.99
GT bán (tỷ đồng)	1,462.53	20.49
GT ròng (tỷ đồng)	(578.86)	(10.50)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.48%	23.5	3.8	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.69%	19.8	3.0	12.4%
Dầu khí	↓ -0.23%	17.5	1.9	3.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.05%	-	5.0	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.20%	17.9	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.10%	21.2	4.2	8.7%
Ngân hàng	↑ 0.53%	10.8	2.3	9.4%
Nguyên vật liệu	↓ -0.03%	13.9	3.0	23.3%
Tài chính	↑ 0.46%	17.6	3.4	33.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.72%	17.4	3.1	3.9%
VN - Index	↑ 0.23%	16.7	3.0	
HNX - Index	↑ 0.52%	17.7	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục phiên thứ tư liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức thấp. Cụ thể, VN-Index tăng 3,17 điểm (+0,23%) lên 1.365,99 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 241 mã tăng, 38 mã tham chiếu, 196 mã giảm. HNX-Index tăng 1,93 điểm (+0,52%) lên 370,4 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 144 mã tăng, 51 mã tham chiếu, 104 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 759 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 20.701 tỷ đồng. Thị trường trùng xuống vào đầu phiên nhưng ngay lập tức quay trở lại sắc xanh sau đó. Nhóm bất động sản, xây dựng là tâm điểm thu hút dòng tiền với hàng loạt mã tăng như CEO (+3,7%), DXG (+5,8%), FCN (+1%), HDC (+4,8%), KDH (+0,8%), PDR (+1,3%), NTL (+3,1%), DPG (+1,1%)... Bên cạnh đó, nhóm bất động sản khu công nghiệp cũng giao dịch tích cực với nhiều mã tăng giá như NTC (+1%), SZC (+6,9%), SZL (+1,9%), GVR (+0,9%), BCM (+1,4%), KBC (+3,8%)... Nhóm chứng khoán cũng có phiên giao dịch khá sôi động với nhiều mã tăng như CTS (+2%), MBS (+1,2%), VDS (+1,8%), VCI (+1,7%), FTS (+5,2%), SHS (+1,6%)... Nhóm ngân hàng có sự quay trở lại và là động lực chính kéo thị trường với nhiều mã tăng mạnh như VPB (+4,1%), MSB (+4,7%), VCB (+1,3%), SSB (+3,9%), VCB (+1,3%)... Ở chiều ngược lại, GAS (-2,2%), MSN (-0,4%), REE (-0,7%), VNM (-0,6%), MWG (-0,2%), NVL (-0,9%)... là các cổ phiếu lớn giảm trong phiên hôm nay. Trong khi đó, nhóm dầu khí chịu áp lực chốt lời với hàng loạt mã điều chỉnh như BSR (-3,3%), PVS (-1,4%), PVD (-1,2%), OIL (-2,6%), PVC (-2,3%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+0,23%) có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp nhưng ba trong bốn phiên tăng này đều có mức thanh khoản khớp lệnh thấp hơn trung bình. Điều này cho thấy tâm lý trên thị trường vẫn có sự thận trọng và lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh. Tuy nhiên, với việc tiếp tục đóng cửa trên ngưỡng tâm lý 1.350 điểm thì VN-Index đang có cơ hội để tiếp tục đi lên những vùng giá cao hơn với mục tiêu tiếp theo là vùng kháng cự 1.375-1.380 điểm (đỉnh sóng hồi phục b). Khối ngoại tiếp tục bán ròng với gần 600 tỷ đồng trên hai sàn phần nào đó tạo ra áp lực trong phiên hôm nay. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/10, VN-Index có thể tiếp tục hồi phục để hướng tới vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: **7/10/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ trong nửa phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.360,57 điểm. Nhưng từ nửa cuối phiên sáng trở đi, lực cầu gia tăng tốt giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng duy trì sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 1.367,59 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 3,17 điểm (+0,23%) lên 1.365,99 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 1.200 đồng, VPB tăng 1.400 đồng, SSB tăng 1.400 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 2.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 368,28 điểm. Ngay sau đó, thị trường tăng trở lại và đà tăng mạnh lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 371,74 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,93 điểm (+0,52%) lên 370,4 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: TIG tăng 1.400 đồng, SHS tăng 600 đồng, IDC tăng 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 579,33 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 14,5 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 225,9 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SBT với 120,7 tỷ đồng tương ứng với 5,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 38,6 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 10,48 tỷ đồng. THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,3 tỷ đồng tương ứng với 45 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PGS với 1,5 tỷ đồng tương ứng với 49 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,7 tỷ đồng tương ứng với 243 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục trong phiên thứ tư liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý thị trường vẫn đang có sự thận trọng nhất định và lực cầu mua lên là không thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Với việc VN-Index tiếp tục đóng cửa trên ngưỡng tâm lý 1.350 điểm đã mở ra dư địa tăng tiếp theo của VN-Index là vùng kháng cự trong khoảng 1.375-1.380 điểm (đỉnh sóng b).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.350 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/10, VN-Index có thể tiếp tục hồi phục để hướng tới vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.375-1.380 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

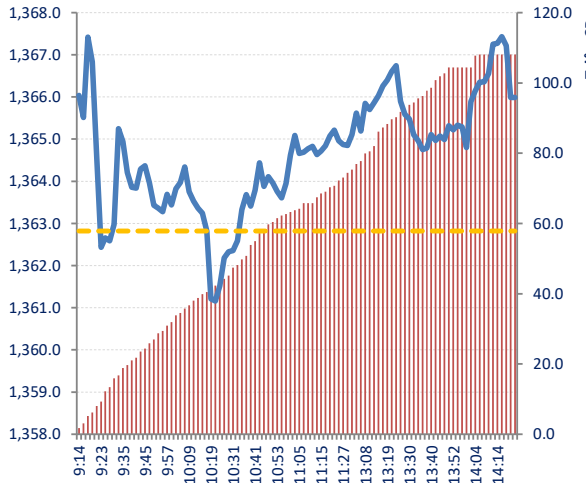
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,85 - 57,75 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 12 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 7/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.170 VND/USD, tăng 12 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

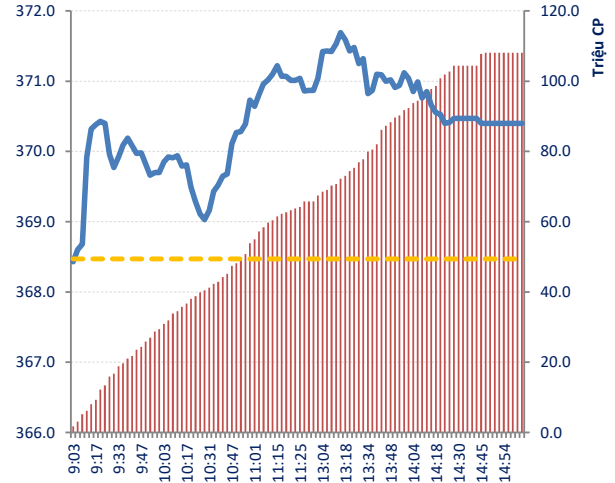
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,4 USD/ounce tương ứng với 0,14% xuống 1.759,3 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,050 điểm tương ứng 0,05% xuống 94,222 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1557 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3598 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 111,5 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,66 USD/thùng tương ứng với 2,14% xuống 75,75 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/10, Dow Jones tăng 102,32 điểm tương đương 0,3% lên 34.416,99 điểm. Nasdaq tăng 68,08 điểm tương đương 0,47% lên 14.501,91 điểm. Nasdaq Composite tăng 17,83 điểm tương đương 0,41% lên 4.363,55 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

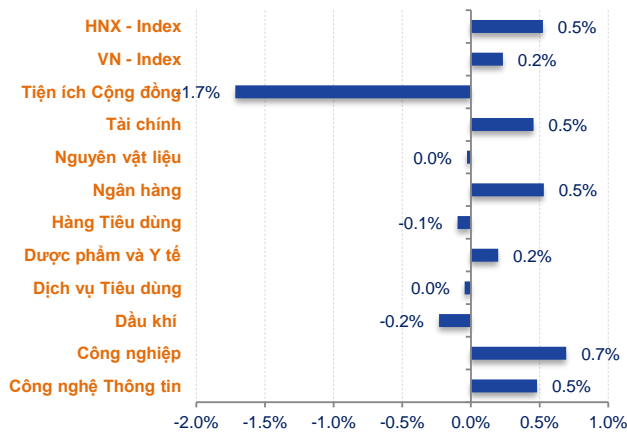
KLGD và VN-Index trong phiên



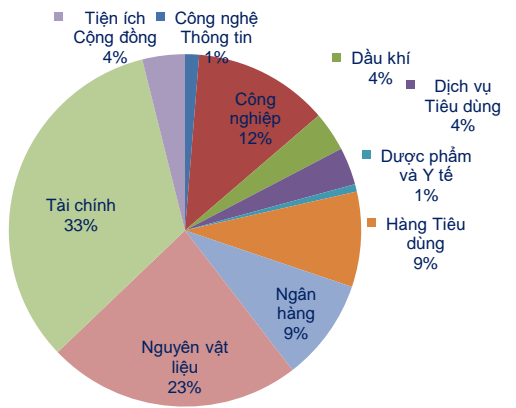
KLGD và HNX-Index trong phiên



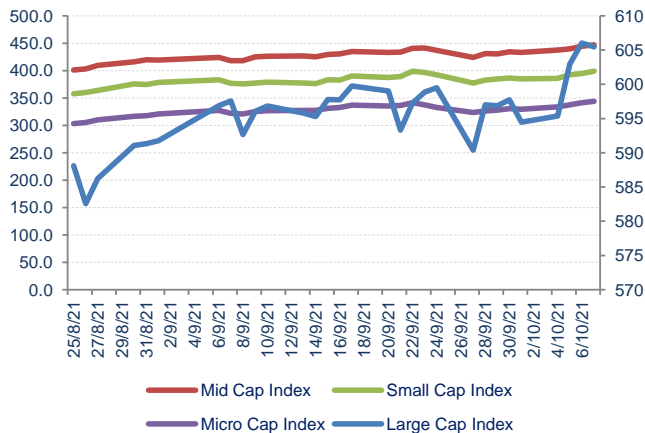
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



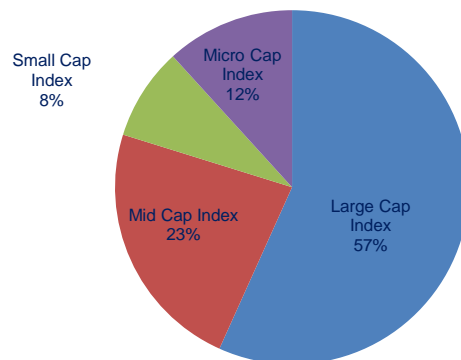
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	2,095,200	SBT	5,657,700
2	VRE	1,315,500	HPG	4,033,200
3	PVT	634,500	PAN	2,934,600
4	KBC	602,200	CTG	1,858,000
5	DHC	368,100	GEX	1,036,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	243,000	BTS	50,700
2	KVC	39,800	PGS	49,236
3	PVS	25,751	THD	45,300
4	TDN	15,800	MBS	30,000
5	VCS	15,500	EID	26,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	56.10	55.60	↓ -0.89%	27,676,700
ITA	7.55	7.71	↑ 2.12%	17,593,500
POW	12.85	12.65	↓ -1.56%	17,201,900
KBC	44.30	46.00	↑ 3.84%	16,993,100
HQC	3.81	3.90	↑ 2.36%	16,656,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.80	28.40	↓ -1.39%	10,258,740
CEO	10.80	11.20	↑ 3.70%	7,906,957
SHS	36.60	37.20	↑ 1.64%	4,480,975
TNG	31.20	30.70	↓ -1.60%	3,558,715
NVB	27.90	27.50	↓ -1.43%	3,519,062

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBB	36.50	39.05	2.55	↑ 6.99%
SII	15.05	16.10	1.05	↑ 6.98%
PAN	28.70	30.70	2.00	↑ 6.97%
SHA	8.48	9.07	0.59	↑ 6.96%
HRC	53.50	57.20	3.70	↑ 6.92%

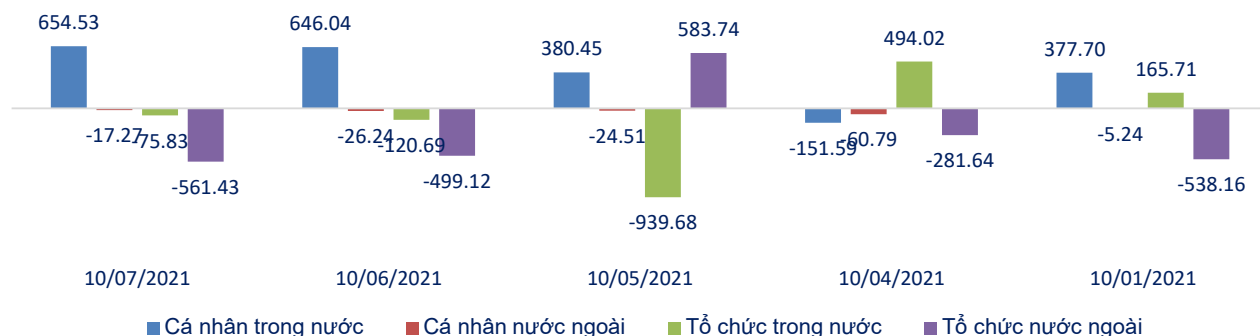
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NFC	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
L18	41.20	45.30	4.10	↑ 9.95%
BNA	35.20	38.70	3.50	↑ 9.94%
VE8	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
KSF	46.80	51.40	4.60	↑ 9.83%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	38.05	35.40	-2.65	↓ -6.96%
LEC	13.00	12.10	-0.90	↓ -6.92%
PGD	40.50	37.70	-2.80	↓ -6.91%
ASP	16.30	15.20	-1.10	↓ -6.75%
LGC	55.50	51.90	-3.60	↓ -6.49%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MIM	10.10	9.10	-1.00	↓ -9.90%
BII	16.20	14.60	-1.60	↓ -9.88%
VBC	28.60	25.80	-2.80	↓ -9.79%
PRC	21.60	19.50	-2.10	↓ -9.72%
CMC	7.20	6.50	-0.70	↓ -9.72%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	326.92	39.5%	5,614	10.0	3.4
SBT	114.99	7.5%	960	21.9	1.6
PAN	109.99	3.6%	1,049	27.4	1.0
CTG	60.38	18.5%	3,414	8.6	1.5
STB	55.18	11.8%	1,905	13.4	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	-65.79	15.3%	1,624	22.3	3.2
GEX	-49.27	10.6%	1,875	12.6	1.0
ACB	-42.83	26.4%	3,588	8.7	2.1
DHC	-40.60	37.0%	7,487	12.6	4.2
MWG	-26.41	27.0%	6,357	20.2	5.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	3.03	25.0%	3,510	23.9	5.5
KBC	1.45	7.1%	1,694	26.2	1.7
VNM	1.42	31.9%	5,109	17.5	5.4
TCM	1.13	17.2%	3,941	16.2	2.7
PVD	1.11	0.0%	2	13,762.3	0.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LCG	-4.57	19.6%	3,132	6.1	1.2
MBB	-4.17	20.1%	2,772	9.9	1.9
SKG	-3.97	2.1%	289	53.1	1.2
VND	-3.43	34.3%	5,437	9.3	2.7
SSI	-2.27	16.5%	2,070	19.3	3.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	74.18	10.6%	1,875	12.6	1.0
SSB	65.79	15.3%	1,624	22.3	3.2
ACB	42.83	26.4%	3,588	8.7	2.1
FUEVFVND	27.65	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	26.41	27.0%	6,357	20.2	5.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-101.03	39.5%	5,614	10.0	3.4
KBC	-50.88	7.1%	1,694	26.2	1.7
STB	-49.70	11.8%	1,905	13.4	1.6
VPB	-39.92	22.6%	5,049	12.2	2.5
TCB	-35.94	21.0%	4,613	10.9	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	37.04	9.2%	1,195	24.6	2.2
DHC	34.73	37.0%	7,487	12.6	4.2
POW	28.00	7.5%	1,006	12.8	0.9
KBC	26.16	7.1%	1,694	26.2	1.7
VCI	17.28	24.5%	3,456	17.2	3.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-224.28	39.5%	5,614	10.0	3.4
SBT	-120.25	7.5%	960	21.9	1.6
PAN	-87.73	3.6%	1,049	27.4	1.0
CTG	-54.81	18.5%	3,414	8.6	1.5
NLG	-35.33	13.2%	3,774	11.5	1.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	27,676,700	39.5%	5,614	10.0	3.4
ITA	17,593,500	3250.0%	187	40.5	0.7
POW	17,201,900	7.5%	1,006	12.8	0.9
KBC	16,993,100	7.1%	1,694	26.2	1.7
HQC	16,656,400	0.1%	9	419.0	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	10,258,740	4.4%	1,187	24.3	1.1
CEO	7,906,957	-3.1%	(411)	-	0.8
SHS	4,480,975	30.8%	4,249	8.6	2.0
TNG	3,558,715	14.7%	2,112	14.8	2.2
NVB	3,519,062	1.9%	205	136.1	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	↑ 7.0%	22.7%	5,027	7.3	1.6
SII	↑ 7.0%	-7.1%	(1,605)	-	0.7
PAN	↑ 7.0%	3.6%	1,049	27.4	1.0
SHA	↑ 7.0%	6.7%	806	10.5	0.7
HRC	↑ 6.9%	1.6%	289	184.8	3.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NFC	↑ 10.0%	6.1%	704	15.6	1.0
L18	↑ 10.0%	5.2%	820	50.3	2.9
BNA	↑ 9.9%	33.8%	6,907	9.8	3.0
VE8	↑ 9.9%	38.8%	3,757	2.2	0.8
KSF	↑ 9.8%	8.8%	788	59.4	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	2,095,200	7.5%	1,006	12.8	0.9
VRE	1,315,500	9.2%	1,195	24.6	2.2
PVT	634,500	11.9%	2,313	10.3	1.2
KBC	602,200	7.1%	1,694	26.2	1.7
DHC	368,100	37.0%	7,487	12.6	4.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	243,000	-3.1%	(411)	-	0.8
KVC	39,800	-7.4%	(771)	-	0.5
PVS	25,751	4.4%	1,187	24.3	1.1
TDN	15,800	10.5%	1,365	14.2	1.5
VCS	15,500	42.1%	10,726	11.9	4.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	354,569	20.6%	5,533	17.3	3.4
VHM	350,527	36.9%	7,779	10.3	3.5
VIC	337,142	4.5%	1,600	55.4	2.3
HPG	250,931	39.5%	5,614	10.0	3.4
GAS	217,233	16.3%	4,178	27.2	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	79,800	33.9%	6,555	34.8	14.0
VCS	20,480	42.1%	10,726	11.9	4.8
BAB	16,644	7.8%	876	25.2	1.9
IDC	16,080	11.3%	1,683	31.8	3.5
KSF	14,040	8.8%	788	59.4	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.76	-7.4%	(725)	-	0.9
SCR	2.45	5.8%	770	16.5	0.9
KMR	2.26	2.0%	201	39.2	0.7
IJC	2.13	25.8%	3,971	7.3	2.0
FTS	2.12	22.7%	3,589	16.2	3.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.30	8.7%	885	12.8	1.1
HBS	2.15	1.2%	140	80.4	1.0
KLF	2.08	0.0%	4	1,147.4	0.4
VIG	2.06	-2.5%	(137)	-	1.6
PSI	2.06	2.9%	300	43.6	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
